

Chi tiết mã HS 3605.00.00

Mã HS	3605.00.00
Mô tả hàng hóa	Diêm, trừ các sản phẩm pháo thuộc nhóm 36.04
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	30/10/2026 22:15:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/36050000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5192
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5192
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5192
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5071
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5032
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5032
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5032
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5032
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5032
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5032
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E5076
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5076

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5076
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5076
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5076
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5076
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E5074
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F5074
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5074
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5074
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5074
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5074
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5074
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5038
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5034
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5034
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5034
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5034
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5034
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5034
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5043
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5043
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5043
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5043
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5043
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5043
VCFTA	2022	2022	4	VC!D5081
VCFTA	2023	2023	2	VC!E5081

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5081
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5081
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5081
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5081
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5078
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5078
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5078
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5078
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5078
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5078
AHKFTA	2022	2022	20	AKH!D5086
AHKFTA	2023	2023	20	AKH!E5086
AHKFTA	2024	2024	20	AKH!F5086
AHKFTA	2025	2025	20	AKH!G5086
AHKFTA	2026	2026	20	AKH!H5086
AHKFTA	2027	2027	20	AKH!I5086
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D5057
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E5057
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F5057
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G5057
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H5057
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5057
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D5059
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E5059
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F5059
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G5059

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H5059
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5059
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5057
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5057
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5057
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5057
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5057
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5057
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5057
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5078
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5078
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5078
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5078
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5078
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5078
RCEP B	2022	2022	0	B!D5078
RCEP B	2023	2023	0	B!E5078
RCEP B	2024	2024	0	B!F5078
RCEP B	2025	2025	0	B!G5078
RCEP B	2026	2026	0	B!H5078
RCEP B	2027	2027	0	B!I5078
RCEP C	2022	2022	0	C!D5078
RCEP C	2023	2023	0	C!E5078
RCEP C	2024	2024	0	C!F5078
RCEP C	2025	2025	0	C!G5078
RCEP C	2026	2026	0	C!H5078

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5078
RCEP D	2022	2022	0	D!D5078
RCEP D	2023	2023	0	D!E5078
RCEP D	2024	2024	0	D!F5078
RCEP D	2025	2025	0	D!G5078
RCEP D	2026	2026	0	D!H5078
RCEP D	2027	2027	0	D!I5078
RCEP E	2022	2022	0	E!D5081
RCEP E	2023	2023	0	E!E5081
RCEP E	2024	2024	0	E!F5081
RCEP E	2025	2025	0	E!G5081
RCEP E	2026	2026	0	E!H5081
RCEP E	2027	2027	0	E!I5081
RCEP F	2022	2022	0	F!D5078
RCEP F	2023	2023	0	F!E5078
RCEP F	2024	2024	0	F!F5078
RCEP F	2025	2025	0	F!G5078
RCEP F	2026	2026	0	F!H5078
RCEP F	2027	2027	0	F!I5078
VIFTA	2024	2024	18	VI!F4677
VIFTA	2025	2025	16	VI!G4677
VIFTA	2026	2026	14	VI!H4677
VIFTA	2027	2027	12	VI!I4677

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn - áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cần nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh - cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh - cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh - cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed - Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3605.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh - cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 3605.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5192), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.